Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán mua sắm: Mua sắm 01 xe ô tô 7 chỗ 2 cầu

- Tên gói thầu: Cung cấp xe ô tô cho Trường Đào tạo cán bộ Agribank.

- Chủ đầu tư: Trường Đào tạo cán bộ Agribank.

- Địa điểm giao hàng: Số 36 Đại Từ, phường Định Công, TP. Hà Nội.

- Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, qua mạng; 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày.

- Mục tiêu của gói thầu: Cung cấp 01 xe ô tô 7 chỗ 2 vầu cho Trường Đào tạo cán bộ Agribank.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Hàng hóa, thiết bị chào thầu phải đảm bảo mới 100%, đúng chủng loại theo yêu cầu của E-HSMT, sản xuất từ năm 2025 trở lại đây có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật với đầy đủ các thông số kỹ thuật kèm theo. Đã bao gồm đầy đủ vật tư, phụ kiện kèm theo để lắp đặt hoàn chỉnh, vận hành theo yêu cầu của E-HSMT.

- Hàng hóa phải được đóng gói đảm bảo an toàn khi vận chuyển bằng đường không, đường biển, đường bộ và hoàn toàn phù hợp với điều kiện khí hậu tại Việt Nam.

- Thời gian bảo hành cho gói thầu là 03 năm hoặc 100.000 km đầu tiên tuỳ điều kiện nào đến trước, kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng. ***(Nhà thầu đề xuất thời gian bảo hành tối thiểu hoặc cao hơn thời gian yêu cầu của E-HSMT)***

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Thông số kỹ thuật tham khảo (nhà thầu đề xuất thông số kỹ thuật tối thiểu, tương đương hoặc tốt hơn)	
KÍCH THƯỚC + TRỌNG LƯỢNG	
KÍCH THƯỚC	
Chiều dài cơ sở (mm)	3.150
Dài x Rộng x Cao (mm)	5.118 x 2.254 x 1.696
Khoảng sáng gầm xe không tải (mm)	173.7
Dung tích khoang chứa hành lý (L) - Có hàng ghế cuối	212
Dung tích khoang chứa hành lý (L) - Gập hàng ghế cuối	926

Thông số kỹ thuật tham khảo (nhà thầu đề xuất thông số kỹ thuật tối thiểu, tương đương hoặc tốt hơn)	
Dung tích khoang chứa hành lý (L) - Phía trước	100
TẢI TRỌNG	
Trọng lượng không tải (kg)	2.911
Tải trọng (kg)	550
Tải trọng hành lý nóc xe (kg)	75
HỆ THỐNG CHUYỂN ĐỘNG	
Động cơ	Động cơ điện 2 motor 150 kW hoặc động cơ xăng hoặc tương đương
Công suất tối đa (hp/kW)	402/300
Mô men xoắn cực đại (Nm)	620
Tốc độ tối đa (km/h)	200
PIN	
Loại pin	CATL
Dung lượng pin (kWh) - khả dụng	123
Quãng đường chạy một lần sạc đầy (km) - Điều kiện tiêu chuẩn châu Âu (WLTP)	626
Công suất sạc AC tối đa (kW)	6,6 kW 1 pha, 11 kW 3 pha
Hệ thống phanh tái sinh	Có (thấp, cao)
Thời gian nạp pin nhanh nhất (phút)	35 phút (10 - 70%)
THÔNG SỐ TRUYỀN ĐỘNG KHÁC	
Cách chuyển số	Nút bấm
Dẫn động	AWD/2 cầu toàn thời gian
Chọn chế độ lái	Eco/Normal/Sport
Chế độ thay đổi tốc độ đến dừng	Có
KHUNG GẦM	
GIẢM XÓC	
Hệ thống treo - trước	Độc lập, tay đòn kép
Hệ thống treo - sau	Liên kết đa điểm, giảm chấn khí nén
PHANH	
Phanh trước	Đĩa thông gió
Phanh sau	Đĩa thông gió
VÀNH VÀ LỐP BÁNH XE	
Kích thước La-zăng	20 Inch
Loại la-zăng	Hợp kim
NGOẠI THẤT	
ĐÈN PHA	
Đèn pha	LED Matrix
Đèn chờ dẫn đường	Có
Đèn pha tự động bật/tắt	Có
Điều khiển góc chiếu pha thông minh	Có
Tự động quay góc chiếu đèn (Đèn liếc)	Có

Thông số kỹ thuật tham khảo (nhà thầu đề xuất thông số kỹ thuật tối thiểu, tương đương hoặc tốt hơn)	
ĐÈN NGOẠI THẤT KHÁC	
Đèn chiếu sáng ban ngày	LED
Đèn định vị	LED, tích hợp cùng đèn chiếu sáng ban ngày
Đèn chào mừng	Có
GƯƠNG	
Gương chiếu hậu: sấy mặt gương	Có
Gương chiếu hậu: tự động chỉnh khi lùi	Có
Gương chiếu hậu: nhớ vị trí	Có
CỬA	
Cơ chế lẫy mở cửa	Nút bấm điện
Cửa hít	Có
Kiểu cửa sổ	Hàng ghế trước: kính cách âm 2 lớp. Hàng ghế sau: kính 1 lớp
Kính cửa sổ màu đen (riêng tư)	Kính đen mờ
Kính cửa sổ lên/xuống một chạm	4 cửa
Đèn chiếu sáng khi mở cửa	Có (Chiếu hình logo)
CỐP	
Điều chỉnh cốp sau	Chỉnh điện
Đóng/Mở cốp đá chân	Có
NỘI THẤT-TIỆN NGHI	
GHẾ TOÀN XE	
Số chỗ ngồi	7
GHẾ LÁI	
Ghế lái - điều chỉnh hướng	Chỉnh điện 8 hướng
Ghế lái có sưởi	Có
GHẾ PHỤ	
Ghế phụ - điều chỉnh hướng	Chỉnh điện 6 hướng
Ghế phụ có sưởi	Có
GHẾ HÀNG 2	
Hàng ghế thứ 2 điều chỉnh hướng	Chỉnh điện 4 hướng
Hàng ghế thứ 2 điều chỉnh gập tỷ lệ	40:20:40, hỗ trợ dễ vào hàng 3
VÔ LĂNG	Bọc da
Điều chỉnh vô lăng	Chỉnh cơ 4 hướng
Sưởi tay lái	Có
ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ	
Hệ thống điều hòa	Tự động, 3 vùng
Chức năng kiểm soát chất lượng không khí	Có
Chức năng ion hóa không khí	Có
Lọc không khí Cabin	Combi 1.0
Ống thông gió dưới chân hành khách sau	Có

Thông số kỹ thuật tham khảo (nhà thầu đề xuất thông số kỹ thuật tối thiểu, tương đương hoặc tốt hơn)	
Cửa gió điều hòa hàng ghế thứ 2: trên hộp để đồ trung tâm	Có
Cửa gió điều hòa hàng ghế thứ 2: trên cột B	Có
MÀN HÌNH, KẾT NỐI, GIẢI TRÍ, TIỆN NGHI	
Màn hình giải trí cảm ứng	15,6 Inch
Màn hình hiển thị HUD	Có
Cổng kết nối USB loại A hàng ghế lái	2
Cổng kết nối USB loại A hàng ghế thứ 2	2
Cổng kết nối USB loại A hàng ghế thứ 3	2
Cổng kết nối USB loại C	Có
Cổng sạc 12V khoang hành lý	Có
Sạc không dây	Có
HỆ THỐNG LOA	
Hệ thống loa	11
HỆ THỐNG ĐÈN NỘI THẤT	
Đèn trang trí nội thất	Có (Đa màu)
Đèn hộc để đồ trước	Có
Đèn khoang hành lý	Có
Đèn khoang hành lý trước	Có
Tấm che nắng, có gương	Ghế lái và ghế phụ, thêm đèn
NỘI THẤT & TIỆN NGHI KHÁC	
Phanh tay	Điện tử
Gương chiếu hậu trong xe	Chống chói tự động
AN TOÀN VÀ TIỆN NGHI	
Hệ thống chống bó cứng phanh ABS	Có
Chức năng phân phối lực phanh điện tử	Có
Hỗ trợ phanh khẩn cấp	Có
Hệ thống cân bằng điện tử	Có
Chức năng kiểm soát lực kéo	Có
Hỗ trợ khởi hành ngang dốc	Có
Chức năng chống lật	Có
Đèn báo phanh khẩn cấp	Có
HỆ THỐNG TÚI KHÍ	11
Túi khí trước lái và hành khách phía trước	2
Túi khí rèm	2
Túi khí bên hông hàng ghế trước	2
Túi khí bên hông hàng ghế sau	2
Cảnh báo chống trộm	Có

Thông số kỹ thuật tham khảo (nhà thầu đề xuất thông số kỹ thuật tối thiểu, tương đương hoặc tốt hơn)	
CÁC TÍNH NĂNG	
TRỢ LÁI TRÊN CAO TỐC	
Hỗ trợ di chuyển khi ùn tắc	Có
Hỗ trợ lái trên đường cao tốc	Có
TRỢ LÀN	
Cảnh báo chệch làn	Có
Hỗ trợ giữ làn	Có
Kiểm soát đi giữa làn	Có
GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH THÍCH ỨNG	
Giám sát hành trình thích ứng	Có
Điều chỉnh tốc độ thông minh	Có
Nhận biết biển báo giao thông	Có
CẢNH BÁO VA CHẠM	
Cảnh báo va chạm phía trước	Có
Cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau	Có
Cảnh báo điểm mù	Có
Cảnh báo mở cửa	Có
TRỢ LÁI KHI CÓ NGUY CƠ VA CHẠM	
Phanh tự động khẩn cấp trước	Có
Hỗ trợ giữ làn khẩn cấp	Có
HỖ TRỢ ĐỖ XE	
Hỗ trợ đỗ phía trước	Có
Hỗ trợ đỗ phía sau	Có
Hệ thống camera sau	Có
Giám sát xung quanh	Có
CÁC TÍNH NĂNG KHÁC	
Đèn pha tự động/Đèn pha thích ứng	Đèn pha thích ứng
CÁC TÍNH NĂNG THÔNG MINH	
THIẾT LẬP, THEO DÕI VÀ GHI NHỚ HỒ SƠ NGƯỜI LÁI	
Đồng bộ và quản lý tài khoản	Có
Cài đặt giới hạn địa lý của xe	Có
Cài đặt thời gian hoạt động của xe	Có
ĐIỀU HƯỚNG - DẪN ĐƯỜNG	
Hiển thị tình trạng giao thông thời gian thực	Có
Hiển thị bản đồ vệ tinh	Có
Định vị vị trí xe từ xa	Có
AN NINH - AN TOÀN	
Chẩn đoán lỗi trên xe tự động	Có
Theo dõi và hiển thị thông tin tình trạng xe	Có

Thông số kỹ thuật tham khảo (nhà thầu đề xuất thông số kỹ thuật tối thiểu, tương đương hoặc tốt hơn)	
TIỆN ÍCH	
Kết nối Android Auto và Apple CarPlay	Có
MÀU XE	Đen

Ghi chú:

- Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Vì vậy nhà thầu có thể chào các hàng hóa có thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "Tương đương" hoặc "Tốt hơn" so với yêu cầu của E-HSMT;

- Từ "hoặc tương đương" sau nhãn hiệu, catalogue, đặc tính thông số kỹ thuật hoặc xuất xứ nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương so với các vật tư, máy móc, thiết bị đã nêu để không tạo định hướng cho một sản phẩm hoặc cho bất kỳ nhà thầu nào đó;

- Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có cấu hình, chỉ tiêu kỹ thuật không theo yêu cầu của E-HSMT mà nhà thầu có tài liệu chứng minh hàng hóa đó có công năng sử dụng tương đương với hàng hóa mời thầu và phù hợp với yêu cầu của người sử dụng. Tổ chuyên gia sẽ xem xét, đánh giá mức độ đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa đó.

1.3. Các yêu cầu khác

a) Yêu cầu về vận chuyển, bàn giao tài liệu, hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành, bảo trì.

- Nhà thầu phải có phương án vận chuyển hàng hóa an toàn, đầy đủ đến các vị trí triển khai lắp đặt theo yêu cầu tại Phạm vi cung cấp của E-HSMT. Mọi chi phí liên quan tới vận chuyển đến nơi bàn giao và bốc xếp hai đầu do nhà thầu chịu.

- Nhà thầu phải có cam kết hỗ trợ kỹ thuật 24/24 cho chủ đầu tư thông qua các hình thức cụ thể trong thời gian vận hành hệ thống và cung cấp đầy đủ các tài liệu thuyết minh kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất (bản dịch sang Tiếng Việt nếu bản gốc là tiếng nước ngoài).

- Nhà thầu phải có cam kết bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất tối thiểu 03 năm hoặc 100.000 km đầu tiên (tuỳ điều kiện nào đến trước) đồng thời có thuyết minh chi tiết quy trình bảo hành, bảo trì, cung cấp dịch vụ sau bán hàng. Khi có yêu cầu về bảo hành, Nhà thầu phải cử cán bộ kỹ thuật (nhân sự có chuyên môn phù hợp) đến để tiếp nhận thông tin không chậm hơn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư Việc thực hiện bảo hành khi thiết bị có sự cố và quá trình khắc phục không được kéo dài quá 02 ngày làm việc trừ trường hợp phải đặt hàng từ nước ngoài Trong trường hợp Nhà thầu không đáp ứng được việc bảo hành thì Chủ đầu tư có quyền thuê Nhà thầu khác thực hiện và toàn bộ kinh phí này sẽ do Nhà thầu chi trả.

- Nhà thầu cung cấp cam kết trong thời gian bảo hành sẽ bảo trì định kỳ bao gồm các nội dung cụ thể sau:

+ Cài đặt, hiệu chỉnh thiết bị nếu có sự khác biệt so với cài đặt ban đầu ảnh hưởng đến chất lượng của xe.

+ Xử lý những lỗi nhỏ phát sinh trong quá trình sử dụng có thể ảnh hưởng đến các loại thiết bị có trong xe.

+ Lịch bảo trì phải được thông báo trước cho chủ đầu tư trước 2 tuần, và không làm ảnh hưởng đến công việc của chủ đầu tư.

+ Thời gian bảo trì toàn bộ thiết bị không quá 48 tiếng.

+ Thời gian khắc phục sự cố: Trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận yêu cầu

+ Các chi phi phí như vận chuyển, bảo hiểm hàng hóa trong quá trình vận chuyển, bản giao, chạy thử do đơn vị cung cấp tự chịu.

b) Yêu cầu về cung ứng, vận chuyển, bàn giao

*** Nếu là xe nhập khẩu:**

- Cataloge (bản gốc) tất cả các hàng hóa và thiết bị kèm theo trên xe có xác nhận của nhà sản xuất hoặc đại lý ủy quyền của nhà sản xuất; (Nếu là tiếng nước ngoài Nhà thầu phải kèm theo bản dịch tiếng Việt)

- Bản cam kết cung cấp cho bên mua các tài liệu, chứng từ sau:

+ Bản gốc hóa đơn thương mại hợp lệ và các hồ sơ giấy tờ dùng đăng ký;

+ Bản sao Giấy chứng nhận xuất xứ nguồn gốc (C/O) và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) của hàng hóa.

*** Nếu là xe được sản xuất, lắp ráp trong nước:**

- Bản cam kết cung cấp cho bên mua các tài liệu, chứng từ sau:

+ Bản gốc hóa đơn thương mại hợp lệ;

+ Bản gốc hoặc Sao y công chứng giấy kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo mẫu do Cục Đăng kiểm Việt Nam thống nhất phát hành;

Chủ đầu tư phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi Hàng hóa đến nơi, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này.

- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ hàng hoá và bàn giao hoàn chỉnh cung cấp theo gói thầu.

- Nhà thầu phải có thuyết minh chi tiết giải pháp cung ứng, vận chuyển, xếp dỡ và bàn giao đảm bảo kỹ thuật và an toàn theo các tiêu chí dưới đây:

+ Giải pháp cung ứng hoặc sản xuất hàng hóa, vận chuyển, xếp dỡ và tập kết đến địa điểm bàn giao.

+ Giải pháp đảm bảo vệ sinh, an toàn lao động.

+ Giải pháp đảm bảo chất lượng cung cấp, lắp đặt hàng hoá, thu hồi hàng hoá.

+ Giải pháp đảm bảo tiến độ giao hàng.

+ Giải pháp về phòng cháy chữa cháy trong quá trình vận chuyển.

+ Phương án nghiệm thu, bàn giao hàng hoá.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Kiểm tra về tính pháp lý, hồ sơ liên quan;
- Kiểm tra về ngoại hình, nội thất, tính đầy đủ của các tính năng, phụ tùng, linh kiện, phụ kiện,…;
- Kiểm tra về khả năng vận hành;
- Kiểm tra về độ an toàn;
- Các cuộc thử nghiệm, kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền (nếu có).